

Ngân hàng TMCP VPBank

6 THÁNG 2019

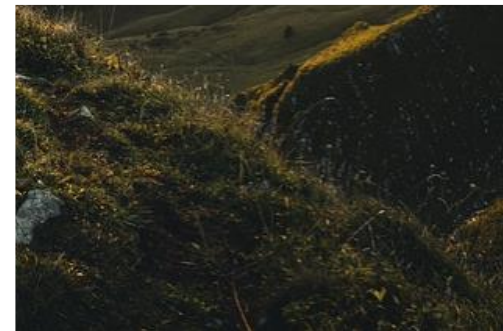
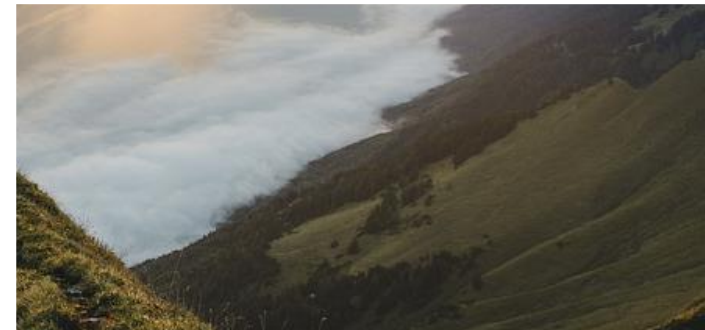
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Hà Nội, Tháng 8/2019



NỘI DUNG

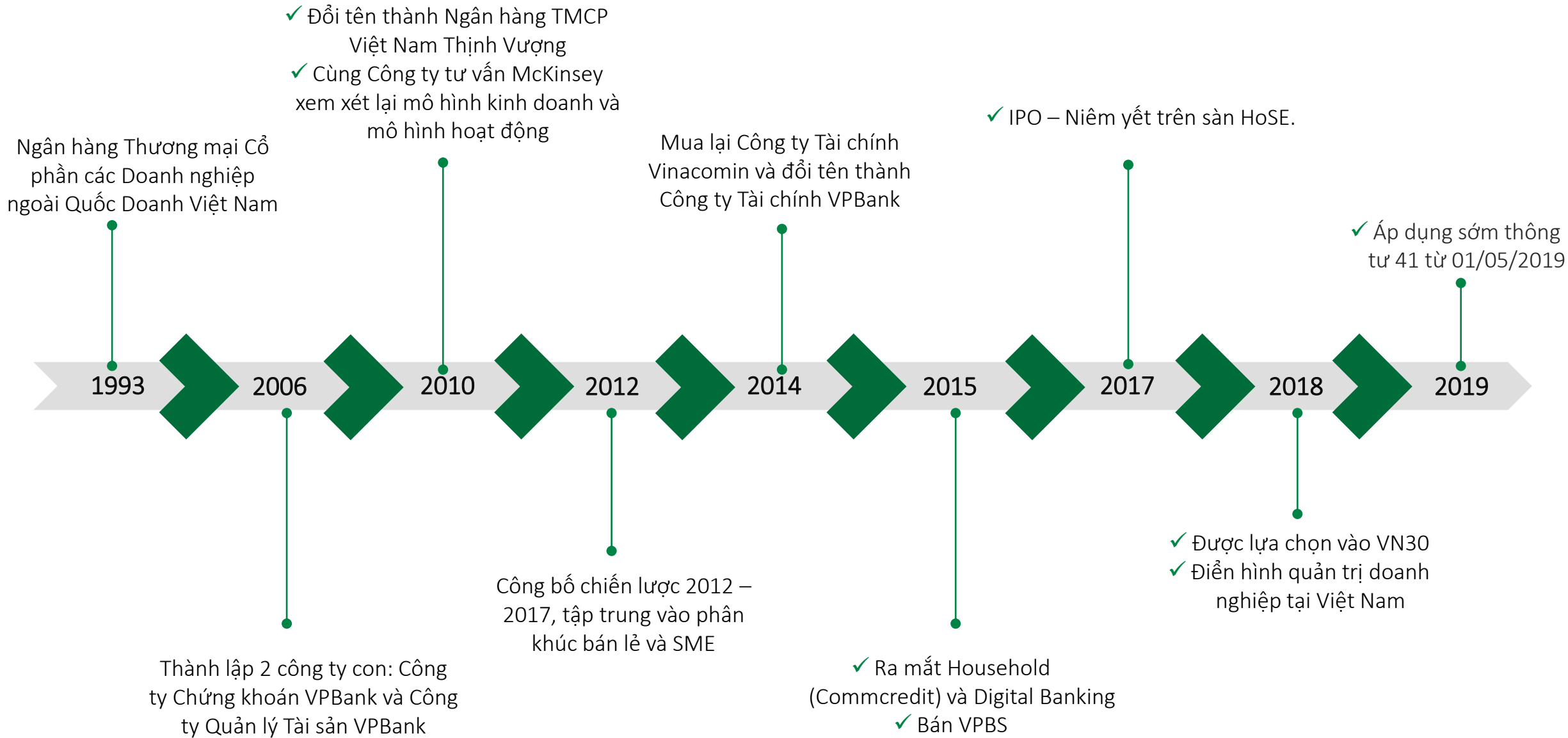
- 01** Tổng quan VPBank
- 02** Điểm sáng hoạt động kinh doanh
- 03** Kết quả kinh doanh Hợp nhất 6 tháng 2019
- 04** Tiêu điểm đầu tư





TỔNG QUAN VPBANK

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

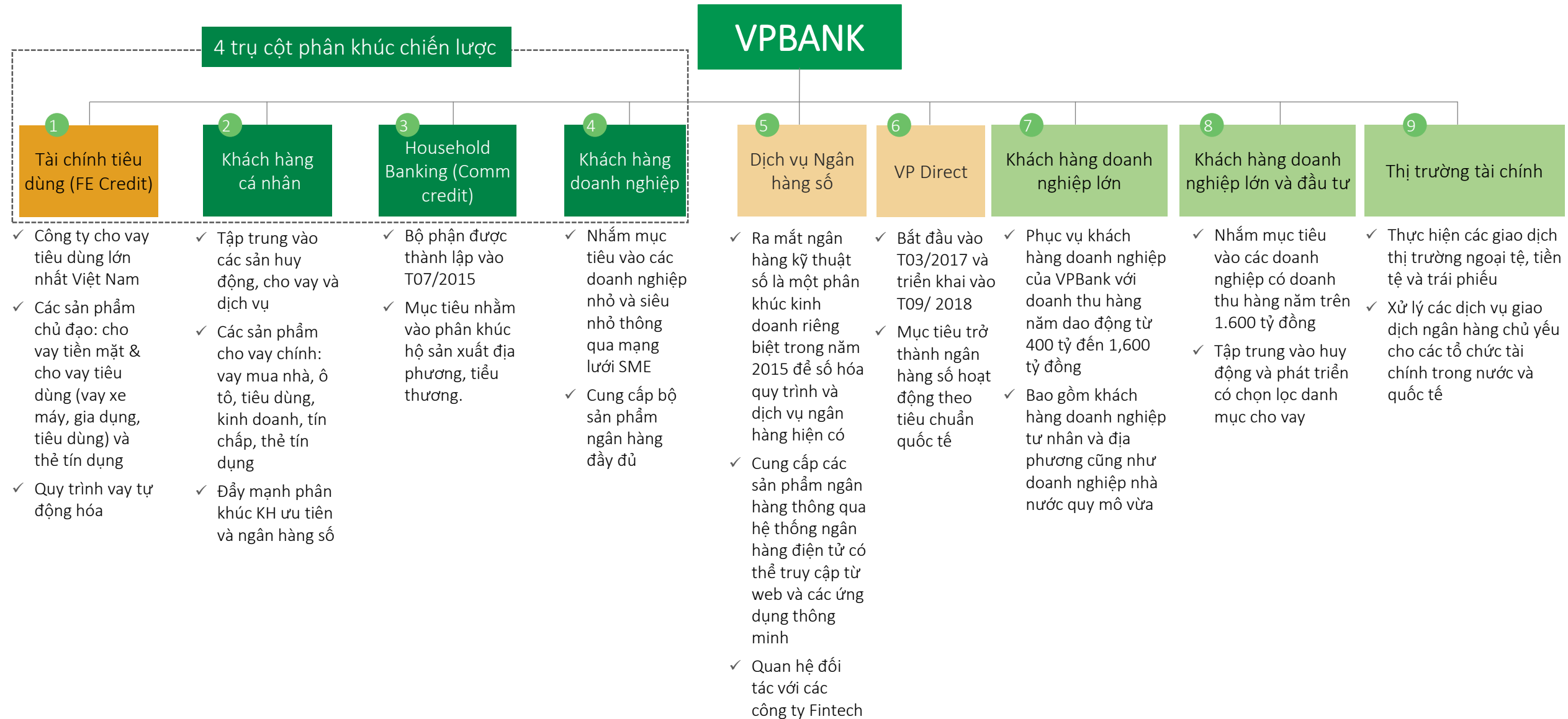


TỔNG QUAN VPBANK

Số liệu lũy kế tại 30.06.2019

- ◆ Tổng tài sản **348,732 tỷ VND**
- ◆ Gần **6.1 triệu** khách hàng hoạt động
- ◆ **16,832 tỷ VND** tổng thu nhập hoạt động và **4,343 tỷ VND** lợi nhuận trước thuế
- ◆ Hoạt động kinh doanh trên toàn bộ các phân khúc khách hàng
- ◆ Mô hình tổ chức tập trung và chuyên môn hóa cao
- ◆ Tiên phong trong số hóa, quản lý dữ liệu và an ninh thông tin
- ◆ Được phê duyệt áp dụng các tiêu chuẩn Basel II theo thông tư 41 từ 01/05/2019





ĐIỂM SÁNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỔNG QUAN VĨ MÔ
THÔNG TIN MẠNG LƯỚI
CẬP NHẬT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



TỔNG QUAN VĨ MÔ

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI BAN HÀNH

1

Ngân hàng Nhà nước ban hành Chỉ thị 1178 vào 03.06.2019 về kế hoạch hành động để ngăn chặn tín dụng bất hợp pháp hay còn gọi là “Tín dụng đen”.

Việc ngăn chặn tín dụng đen cần sự tham gia của nhiều đơn vị không chỉ của Ngân hàng Nhà nước, như Bộ Công an, Bộ Tư pháp - để giải quyết các hành vi bất hợp pháp, Bộ Giáo dục - để giáo dục mọi người về kiến thức và tuân thủ tài chính.

NHNN khuyến khích người tiêu dùng đi vay từ các Ngân hàng và các Công ty Tài chính như một lựa chọn thay thế hợp lý để cạnh tranh trực tiếp với tín dụng đen. Công ty Tài chính tiêu dùng FE được biết đến như một trong những công ty tài chính lớn nhất, tích cực tham gia vào sứ mệnh này. Ngoài ra, các khoản vay vi mô thông qua hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (PCF) cũng được phát triển phục vụ người dân sống ở vùng sâu vùng xa, không thể tiếp cận dịch vụ ngân hàng tiêu chuẩn.

2

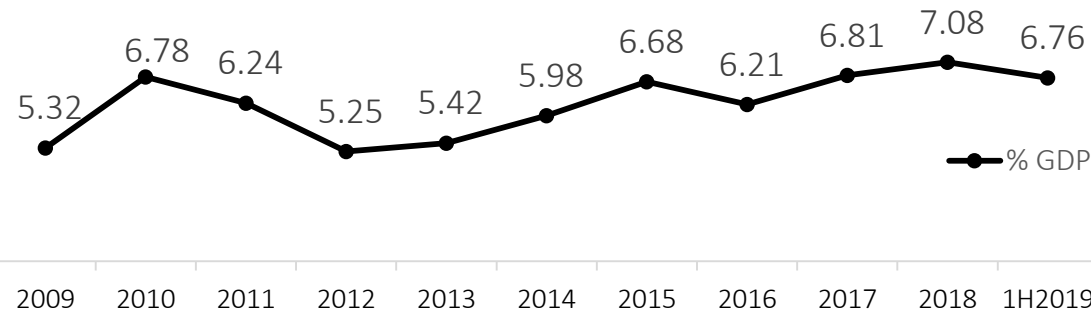
VAMC vừa công bố kế hoạch kinh doanh 5 năm cho giai đoạn 2019 – 2023. Mục tiêu giải quyết nợ xấu (tỷ đồng) như sau:

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Mua nợ xấu	4,500	8,400	9,500	10,500	N/A
Nợ đã xử lý	50,000	60,000	20,000	15,000	N/A

Trong năm 2019, VAMC đề xuất xây dựng thị trường nợ xấu tập trung , nơi mà VAMC sẽ đóng vai trò là nhà tạo lập thị trường. Sẽ cần phải có sàn giao dịch mua bán nợ để thúc đẩy thị trường. VAMC muốn chính thức ra mắt thị trường vào năm 2020.

Nguồn: Tổng cục Thống kê, NHNN

GDP trong 6 tháng đầu năm 2019 ước tính tăng 6.76% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó, tăng trưởng quý II ước tính là 6.71%. Con số này thấp hơn so với tốc độ tăng 7.05% của cùng kỳ 2018, nhưng cao hơn so với tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm của năm 2011-2017. Mục tiêu tăng trưởng cuối năm là 6.6% - 6.9% là hoàn toàn khả thi.



TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

Tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2019 là 7.33%, tương đương với cùng kỳ năm 2018. Lãi suất tiền gửi và cho vay tiếp tục ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/ năm, và lãi suất cho vay trung dài hạn là 9-11%/năm. Trên bảng cân đối, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống dưới 2%.

CÁC CHỈ SỐ KHÁC

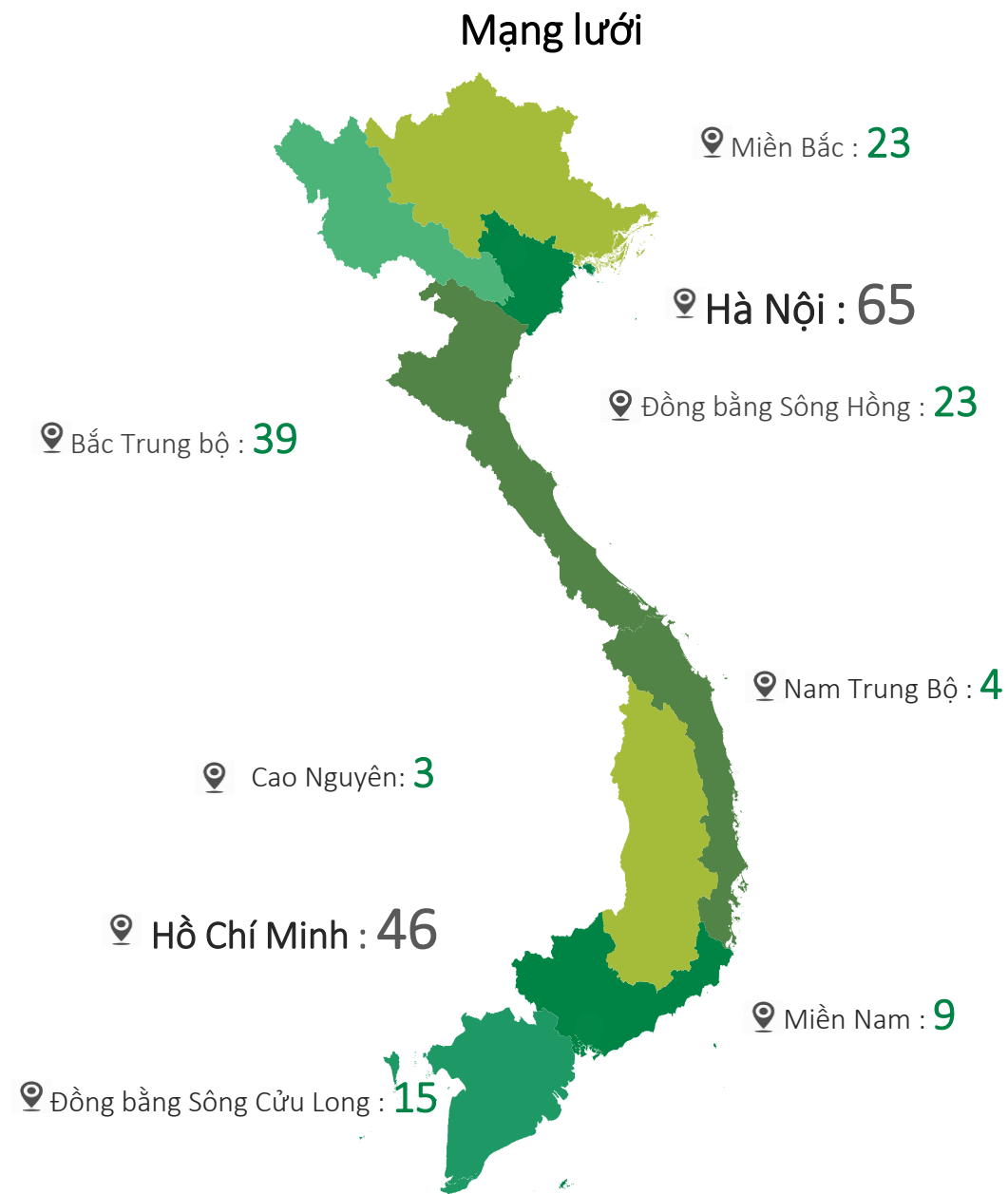
- Chỉ số quản lý thu mua (PMI)** tiếp tục tăng ở mức 52.5, trong khi nhiều nền kinh tế khác ở Châu Á, như Nhật bản, Hàn Quốc, Malaysia và Đài Loan, chỉ số PMI giảm xuống dưới mức 50.
- Giải ngân vốn FDI** đạt mức cao nhất trong những năm gần đây, ước tính đạt 9.1 tỷ USD (tăng 8.1%).
- CPI** trung bình trong 6 tháng đầu năm 2019 tăng 2.64% so với cùng kỳ năm ngoái, và đạt mức cao nhất trong 7 năm qua.

THÔNG TIN MẠNG LƯỚI – CHI NHÁNH & CÁC ĐIỂM GIAO DỊCH

Chi nhánh & các điểm giao dịch

- Gần **27,037** nhân viên
- **226** chi nhánh và **84** trung tâm SME & hubs
- Gần **650** ATMs/CDMs

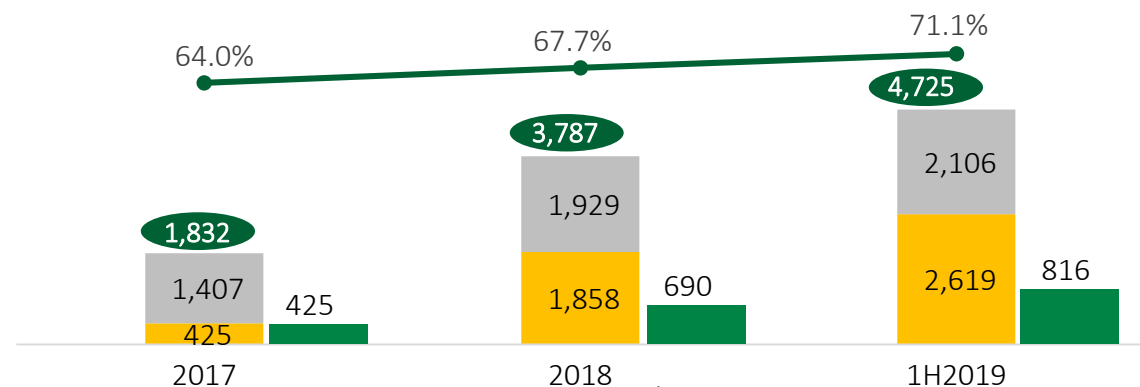
Các kênh	Địa điểm giao dịch tại 31.12.2018	Địa điểm giao dịch tại 30.06.2019
Chi nhánh bán lẻ	222	226
Trung tâm & hub SME	83	84
Trung tâm Household (Commcredit)	171	137
Chi nhánh Ngân hàng doanh nghiệp	4	4
FE Credit	>12,000 POS >34,000 POC	>12,000 POS >34,000 POC
ATM/CDM	480/154	470/179



THÔNG TIN MẠNG LƯỚI – NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG

Số lượng thẻ phát hành (*) (nghìn,%)

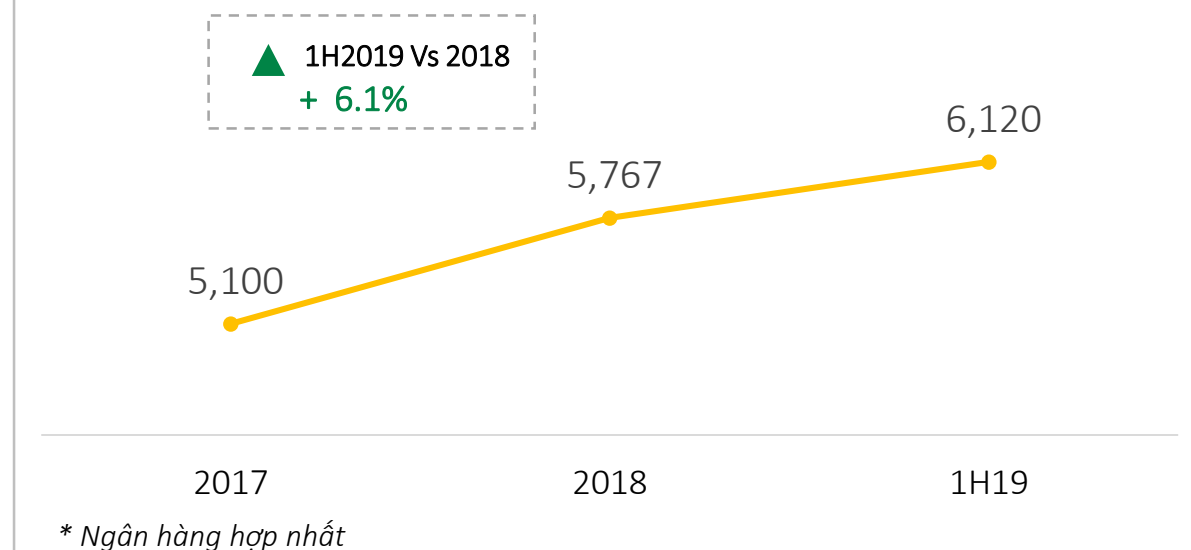
● Tổng số lượng thẻ phát hành
■ Số lượng thẻ tín dụng phát hành
■ Số lượng thẻ tín dụng do Ngân hàng riêng lẻ phát hành
■ Số lượng thẻ ghi nợ phát hành
—●— Tỷ lệ kích hoạt thẻ tín dụng



* 2017: Ngân hàng riêng lẻ ; 2018, 1H19: Ngân hàng hợp nhất

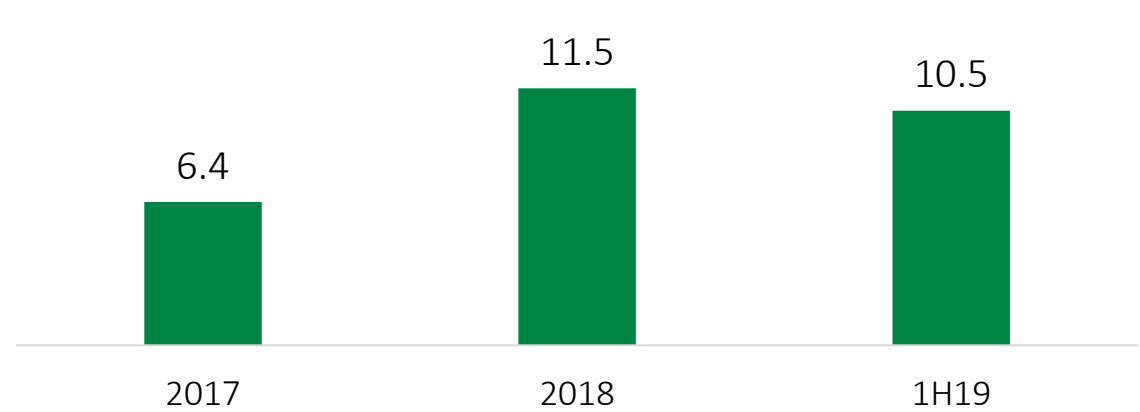
** Tỷ lệ kích hoạt của khách hàng cá nhân

Khách hàng hoạt động (*) (nghìn)



* Ngân hàng hợp nhất

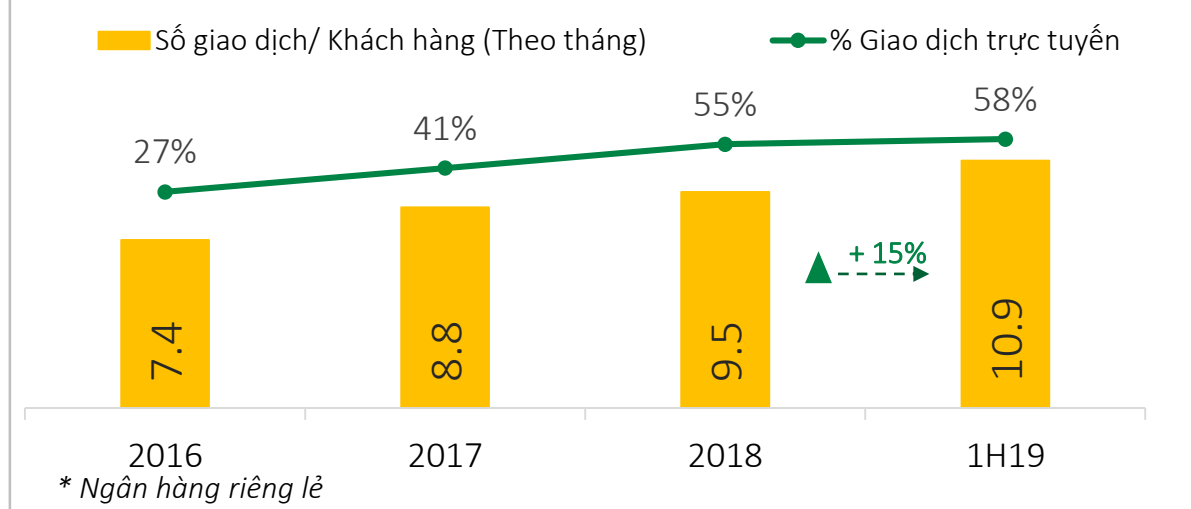
Tiêu dùng/Thẻ hoạt động/Tháng(*),(**) (triệu VND)



* Ngân hàng riêng lẻ

** Số liệu tiêu dùng/thẻ hoạt động/tháng của khách hàng cá nhân

Số lượng giao dịch/ khách hàng và tỷ lệ giao dịch trực tuyến (*) (%)



* Ngân hàng riêng lẻ

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

- ◆ **Tổ chức Việt Nam đầu tiên** phát hành trái phiếu quốc tế theo **chương trình EMTN**
- ◆ **Tổ chức Việt Nam đầu tiên phát hành** trái phiếu bằng USD trên thị trường vốn quốc tế kể từ năm 2014
- ◆ **Ngân hàng Việt Nam ngoài quốc doanh đầu tiên** phát hành trái phiếu bằng USD
- ◆ **Lãi suất coupon thấp nhất** từng đạt được của một tổ chức phát hành phi chính phủ của Việt Nam
- ◆ **Lượng trái phiếu USD** đặt mua lớn nhất từ một tổ chức phát hành phi chính phủ của Việt Nam
- ◆ Trái phiếu USD được niêm yết trên SGX vào Tháng 7 năm 2019

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN – THỊ PHẦN THẺ TÍN DỤNG

	Chỉ tiêu	1Q 2018	31.12.2018	1Q 2019	1Q 2018 Vs. 1Q 2019
THỊ TRƯỜNG	Thẻ đang lưu hành (nghìn)	3,561	4,014	4,298	20.70%
	GDV (triệu USD)	1,783	8,595	2,559	43.54%
	Thẻ đang lưu hành (nghìn)	405	416	443	9.38%
	GDV (triệu USD)	318	1,548	521	63.65%
THỊ PHẦN THẺ CỦA VPBANK TẠI VIỆT NAM	Thẻ đang lưu hành (nghìn)	11%	10%	10%	
	GDV (triệu USD)	18%	18%	20%	

GDV = Tổng giá trị USD

Thẻ đang lưu hành = Số lượng lũy kế của thẻ kích hoạt

Nguồn: Báo cáo Thị trường Thẻ tại 31.03.2019

NGÂN HÀNG ƯU TIÊN

Tăng tốc trong quý II.2019

- **Kết quả tài chính:** Affluent Banking (AF) đã hoàn thành vượt kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019 với các chỉ tiêu tăng trưởng chính:
 - ✓ CASA tăng 80% so với cùng kỳ năm trước
 - ✓ TD tăng 32% so với cùng kỳ năm trước
 - ✓ NFI tăng 34% so với cùng kỳ năm trước
- **Chiến lược mở rộng thị trường và lượng khách hàng:** : AF đã phát triển phân khúc ưu tiên với một loạt những chương trình thúc đẩy như hợp tác với các đối tác trong hệ sinh thái ngân hàng bao gồm thể thao, giáo dục, đầu tư,...
 - ✓ Khách hàng mới tăng 161% so với cùng kỳ năm trước
 - ✓ Tổng số khách hàng AF tăng 13% so với cuối năm 2018.
- **Quản lý tài sản:** Doanh thu sản phẩm cho thấy sự tăng trưởng đáng kể trong cả khối lượng và phạm vi hợp tác.
 - ✓ Doanh số sản phẩm đầu tư tăng 43% trong 6 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm ngoái
 - ✓ Doanh số Bancassurance tăng 108% so với cùng kỳ năm ngoái.
- **Chỉ số hài lòng khách hàng (NPS)** được duy trì ở mức 90% trong 6 tháng đầu năm 2019, trong khi đó, tỷ lệ khách hàng không sử dụng dịch vụ được quản lý ở mức tốt dưới 2.2%/tháng.

HÀNH TRÌNH SỐ HÓA

Tiếp tục triển khai những sáng kiến quan trọng

Thẻ tín dụng

Đóng góp cho tổng số thẻ KHCN **57%**
Số lượng thẻ phát hành ***4.1x**

UPL

Đóng góp vào tổng số UPL đã giải ngân **(i) 47%**
Hợp đồng giải ngân **(ii) 7.8x**
Khối lượng giải ngân **(iii) 5.6x**

Thấu chi

Tài khoản trực tuyến mở mới ***-14%**
% Hoàn thành kế hoạch cho vay **116%**

Dream CASA & TD

Số lượng người dùng (lũy kế) **(iv) 4.5x**

* 1H2019 vs. 1H2018

Nguồn: Dữ liệu tại 30.06.2019

(i) 21% tại 31.03.2019

(ii) 6.2x tại 31.03.2019

(iii) 4.1x tại 31.03.2019

(iv) 3.5x tại 31.03.2019





YOLO Ngân hàng số sành điệu cho thế hệ mới

YOLO - Giải thưởng ứng dụng ngân hàng di động nổi bật nhất của Vietnam Digital từ Hiệp hội truyền thông kỹ thuật số Việt Nam

Giải thưởng sáng kiến, ứng dụng, chương trình có hệ sinh thái tài chính kỹ thuật số tốt nhất – “YOLO” từ The Asian Bankers

Giải thưởng sáng kiến ngân hàng số dành cho giới trẻ tốt nhất – YOLO từ Global Banking and Finance Review

YOLO nằm trong nhóm 3 ứng dụng tài chính và ngân hàng miễn phí phổ biến trên Google play

Kết quả	Người dùng	Giá trị giao dịch	Giao dịch
➤ 30.06.2019	500,000+	VND 4,000 + bil	1+ mil
➤ 31.12.2018	200,000+	VND 3,000 + bil	471,000+
➤ % Tăng trưởng	150%	33%	112%

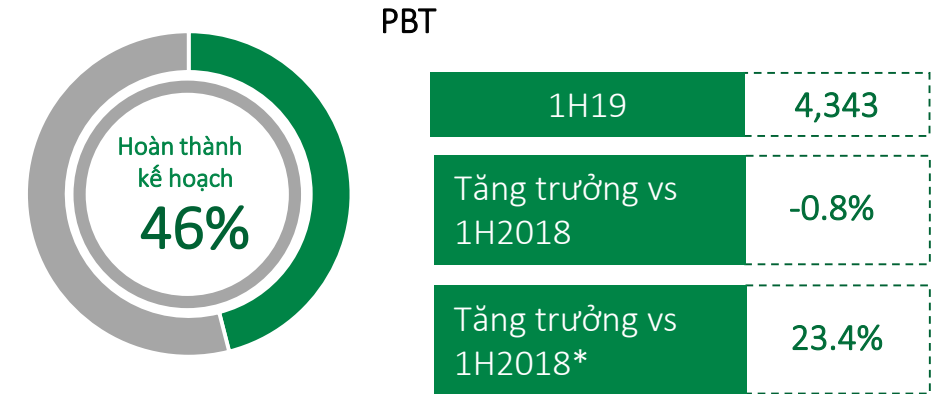
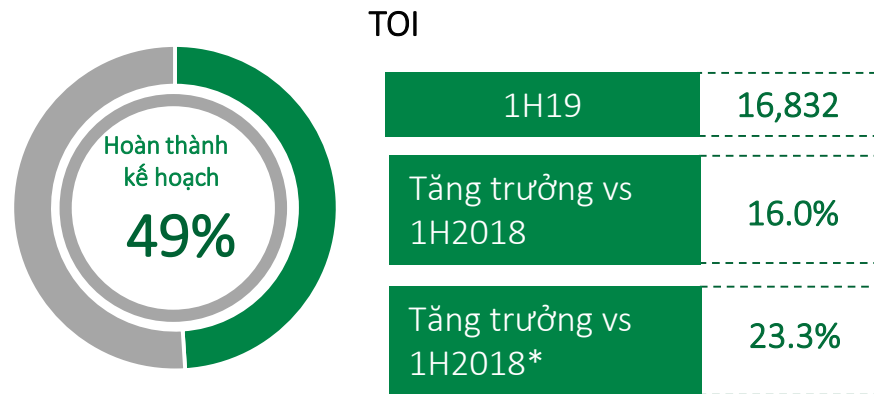


KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT 6 THÁNG 2019

6 THÁNG 2019 – CÁC CHỈ SỐ CHÍNH

- ♦ Tăng trưởng tín dụng của VPBank là 11,1% vượt xa tốc độ trung bình của ngành.
- ♦ Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện bằng việc nâng cao khung Quản trị rủi ro & Danh mục tín dụng.
- ♦ Đà tăng trưởng lợi nhuận đi theo kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu năm 2019. NIM cao hơn toàn thị trường.

Bảng cân đối kế toán	1H2019	FY 2018	1H2018	Tăng trưởng vs 1H2018	vs. FY2018
Cấp tín dụng	256,379	230,790	210,620	21.7%	11.1%
Tổng tài sản	348,732	323,291	293,112	19%	7.9%
Huy động từ khách hàng (Bao gồm giấy tờ có giá)	251,118	219,509	215,613	16.5%	14.4%
CAR theo thông tư 41 (Basel II)	11.2%	11.2%	12.4%		
CAR theo thông tư 36	12.3%	12.3%	15.0%		



NIM
9.4%

CIR
35.8%

ROE
Hợp nhất 19.0%
Riêng lẻ** 14.6%

ROA
2.1%

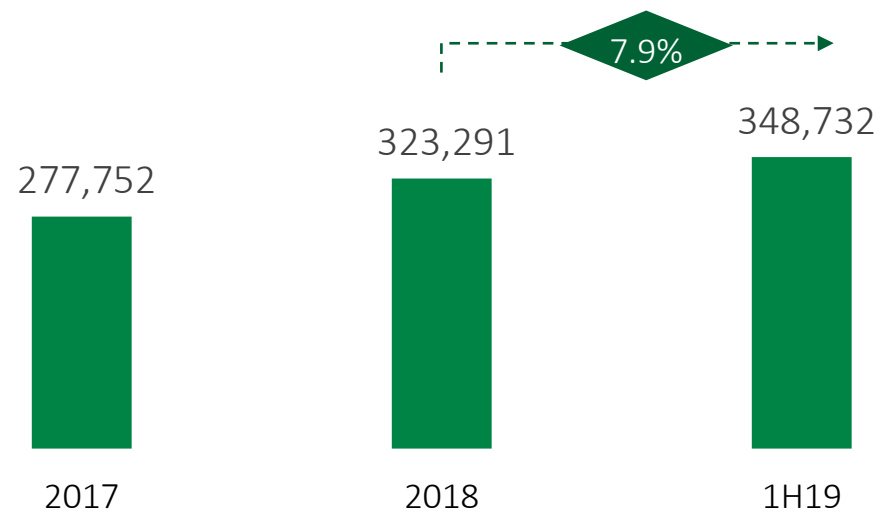
Đơn vị: Tỷ VND

Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất & Riêng lẻ chưa kiểm toán tại 30.06.2019

* Loại trừ thu nhập bất thường

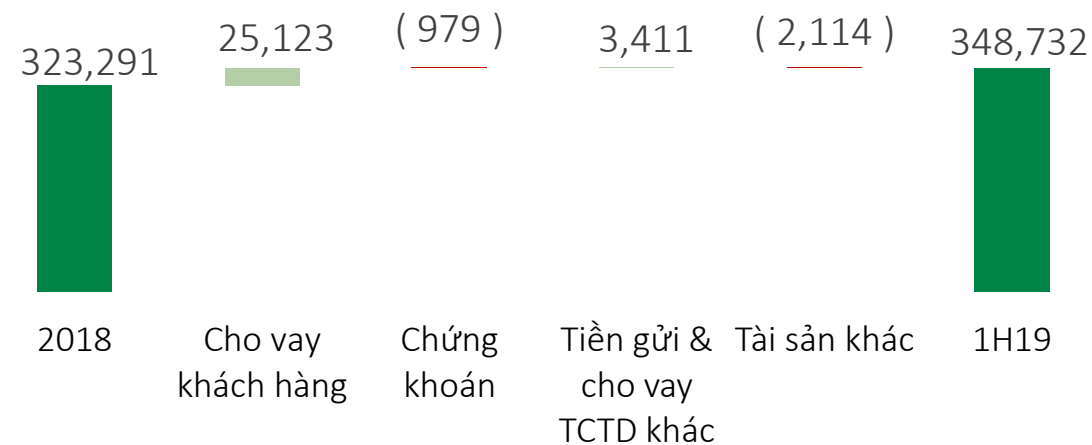
**Loại trừ thu nhập bất thường và lợi nhuận chuyển về từ công ty con

Tăng trưởng tổng tài sản (Tỷ VND, %)

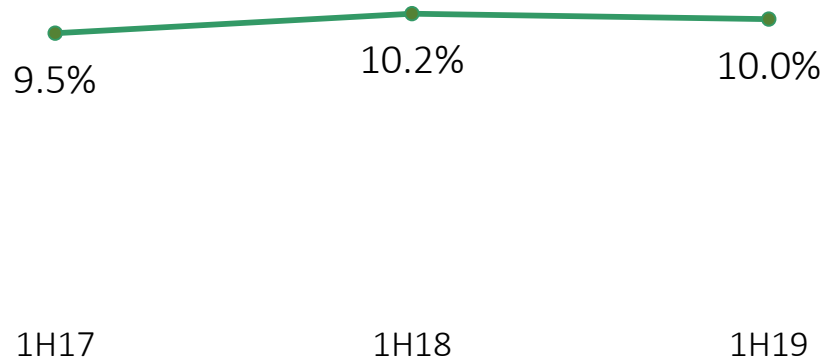


Tăng trưởng theo cơ cấu (*) (Tỷ VND)

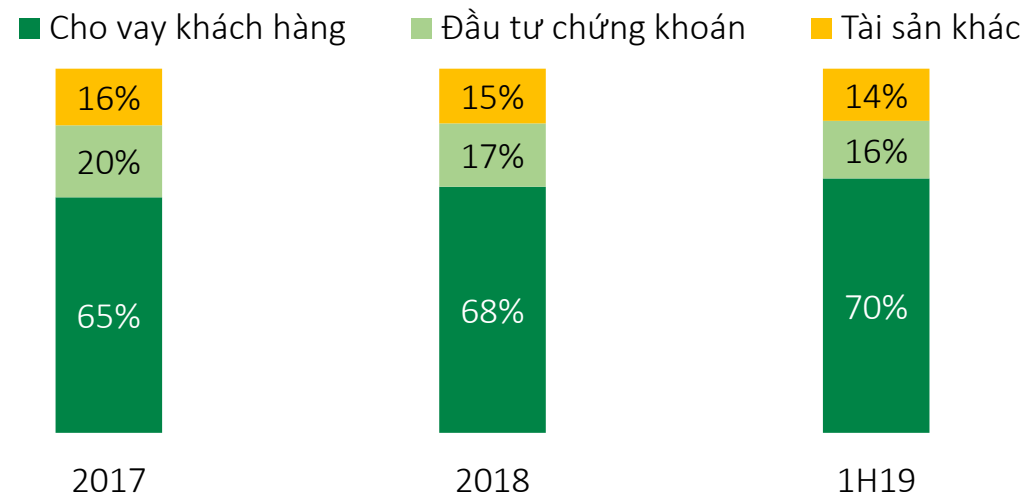
* Các số liệu được tính là số sau khi trừ dự phòng



Hiệu suất sử dụng tài sản (%)

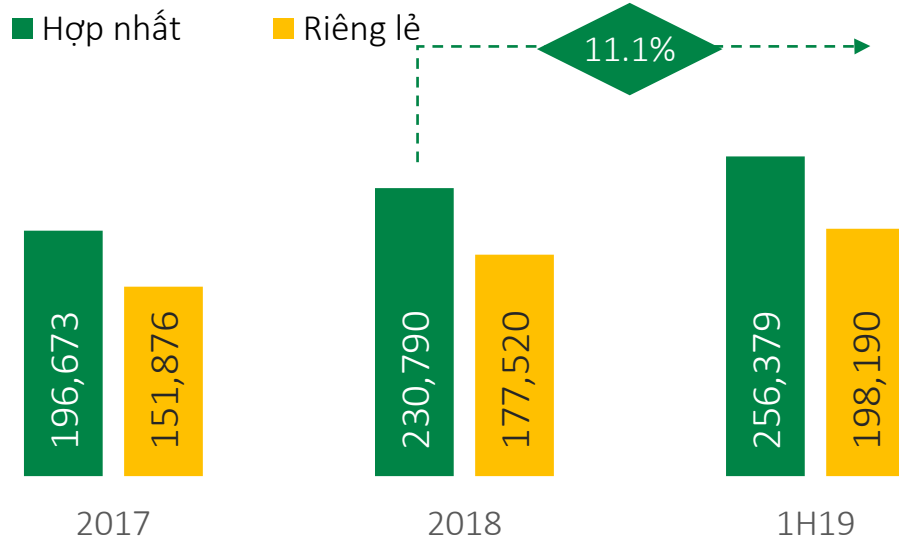


Cơ cấu tổng tài sản (%)



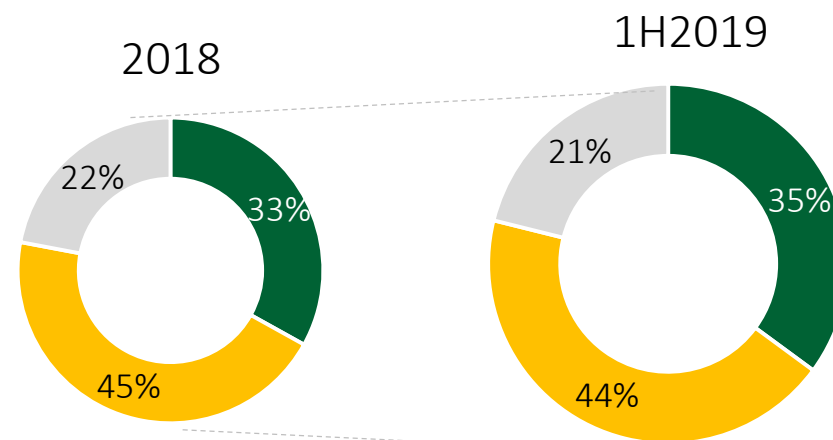
DANH MỤC TÍN DỤNG(*)

Tăng trưởng tín dụng (Tỷ VND, %)



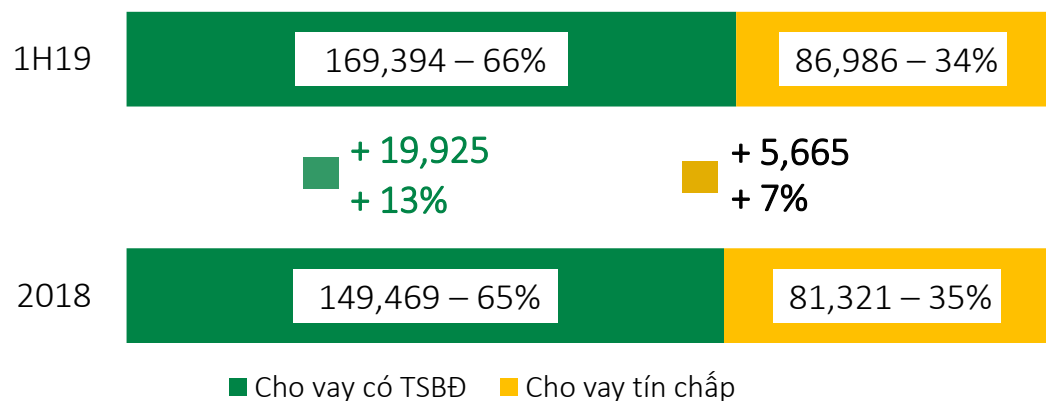
Cơ cấu theo kỳ hạn (%)

- Ngắn hạn
- Trung hạn
- Dài hạn



Ngắn hạn (<1 năm), trung hạn (1 – 5 năm), dài hạn (>5 năm)

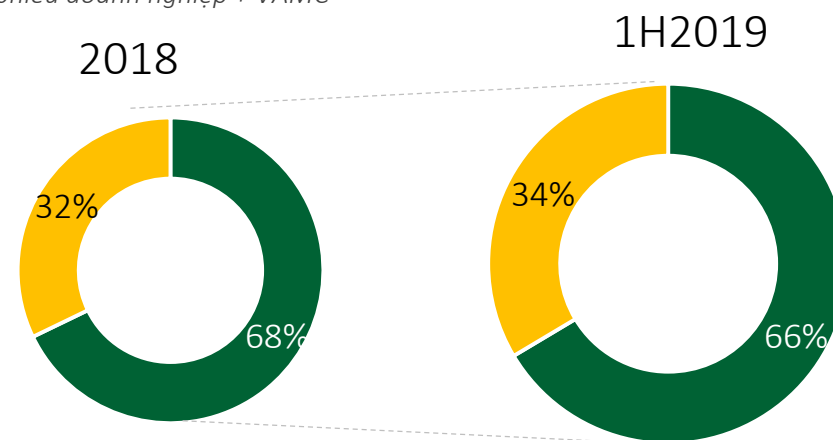
Cơ cấu theo loại (Tỷ VND, %)



Cơ cấu theo phân khúc (*) (%)

* Bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp + VAMC

- Khối chiến lược
- Các khối khác



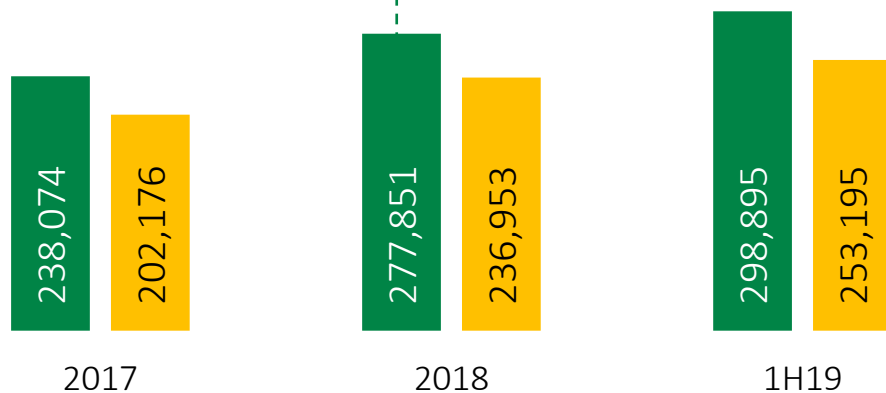
Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất & Riêng lẻ chưa kiểm toán tại 30.06.2019

* Bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp

NGUỒN HUY ĐỘNG /1

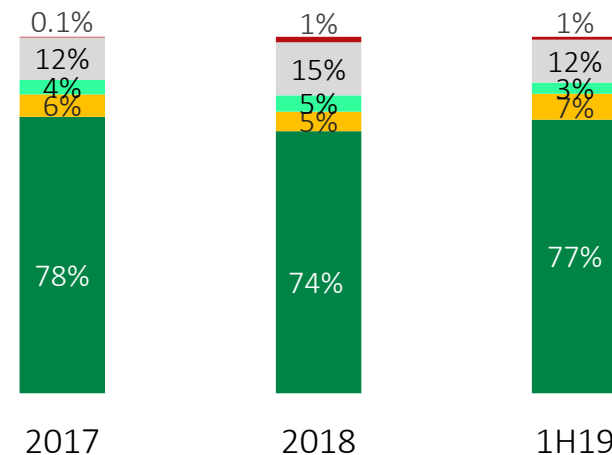
Tăng trưởng huy động (Tỷ VND, %)

■ Hợp nhất ■ Riêng lẻ



Cơ cấu huy động (%)

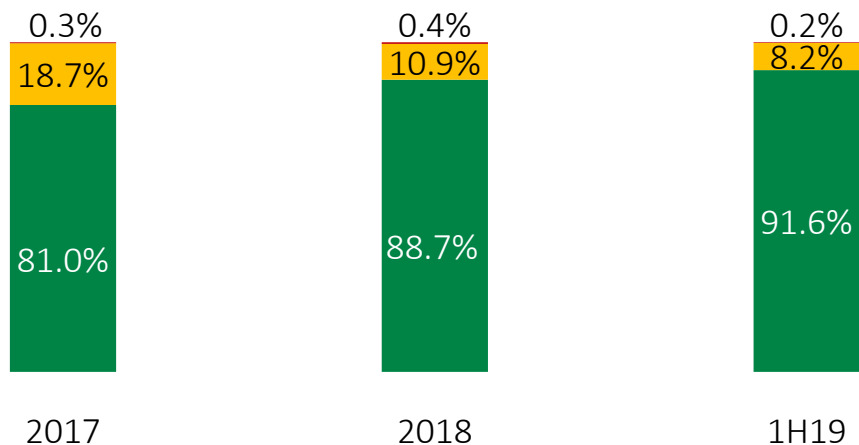
■ Huy động khách hàng *
■ Trái phiếu
■ Cho vay có kỳ hạn
■ Tiền gửi & vay TCTD khác
■ Khác



* Bao gồm Tiền gửi từ khách hàng & Chứng chỉ tiền gửi

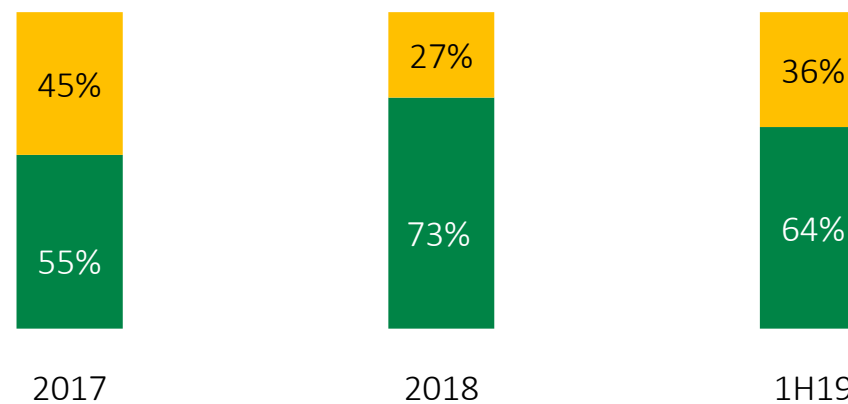
Huy động theo loại tiền tệ (%)

■ VND ■ USD ■ Khác



Huy động theo kỳ hạn gốc (%)

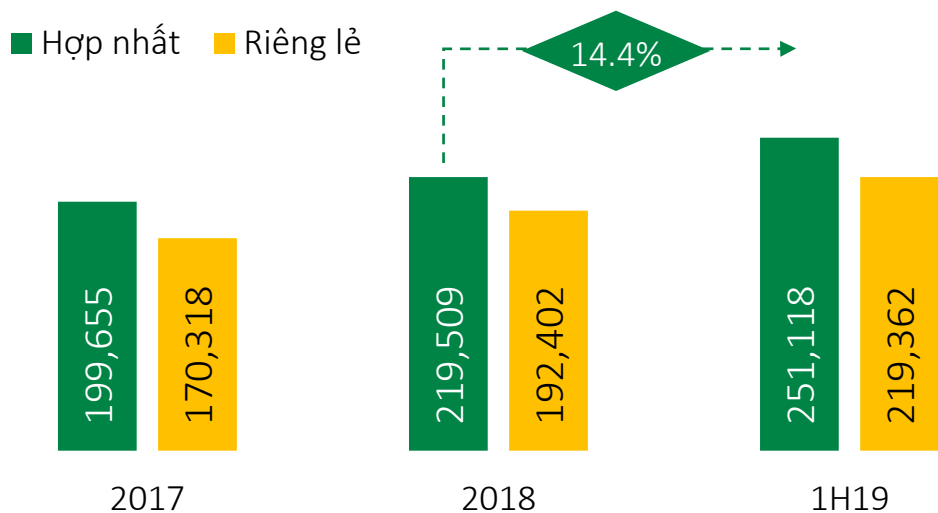
■ Ngắn hạn ■ Trung & dài hạn



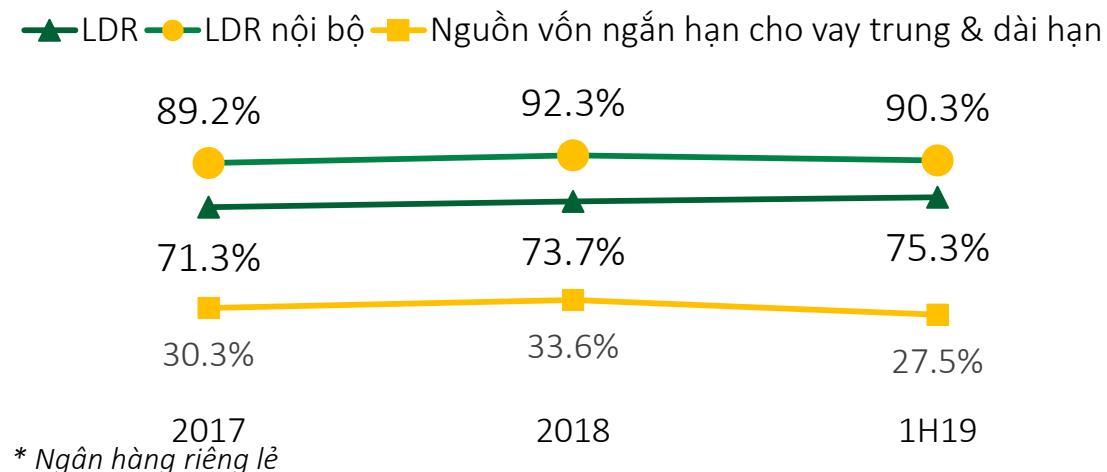
Ngắn hạn (<1 năm), Trung & Dài hạn (>1 năm)

NGUỒN HUY ĐỘNG /2

Tăng trưởng Huy động khách hàng & Giấy tờ có giá (Tỷ VND, %)



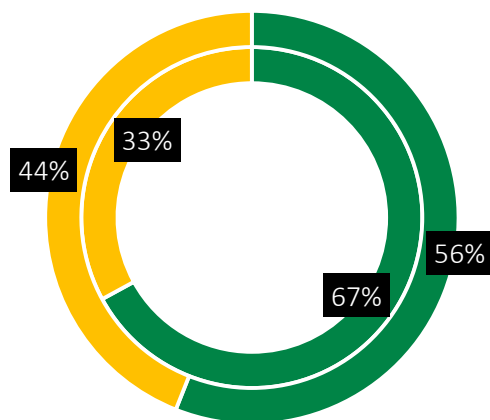
LDR & Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung & dài hạn (Theo NHNN) (*)



Huy động khách hàng & Giấy tờ có giá theo kỳ hạn (%)

Vòng trong: FY2018
Vòng ngoài: 1H2019

■ Ngắn hạn
■ Trung & dài hạn

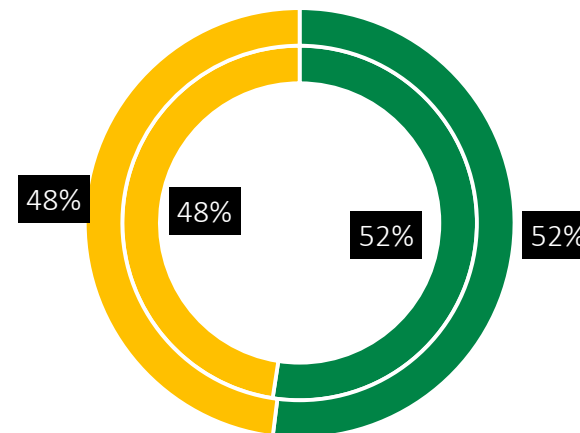


Huy động khách hàng & Giấy tờ có giá theo phân loại khách hàng (%)

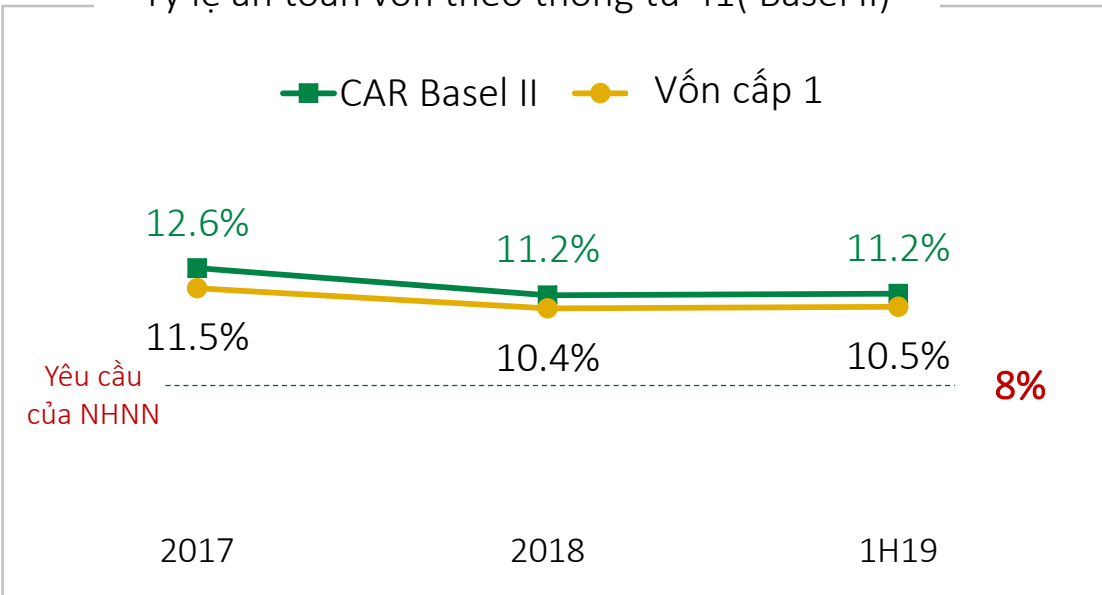
■ Cá nhân ■ Doanh nghiệp

Vòng trong: FY2018
Vòng ngoài: 1H2019

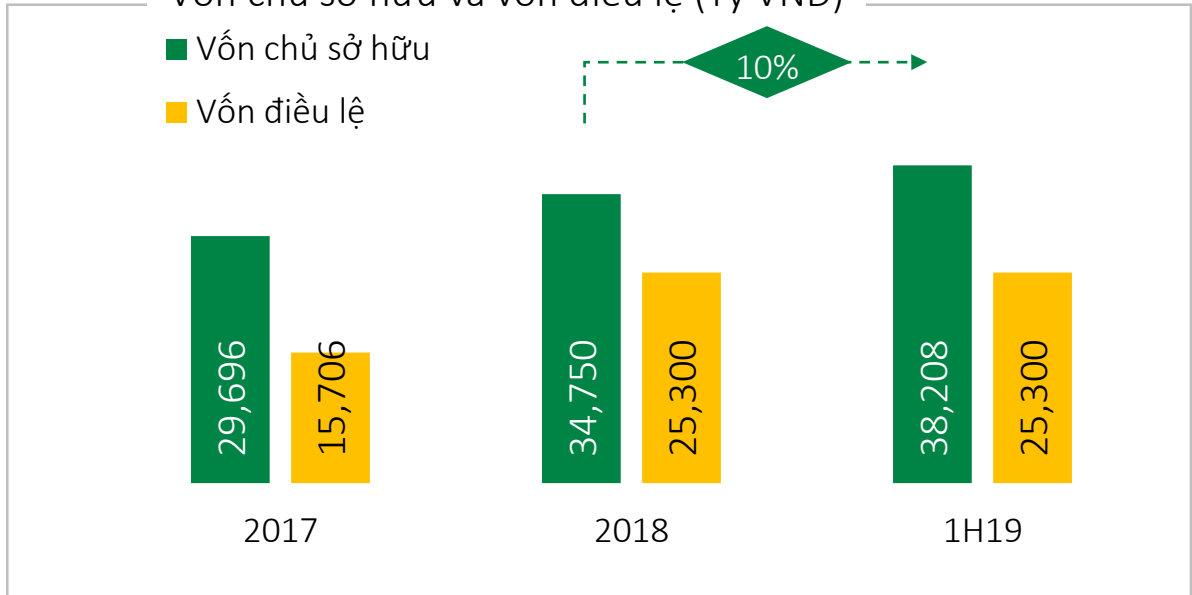
Ngân hàng riêng lẻ:
Cá nhân - 60%
Doanh nghiệp - 40%



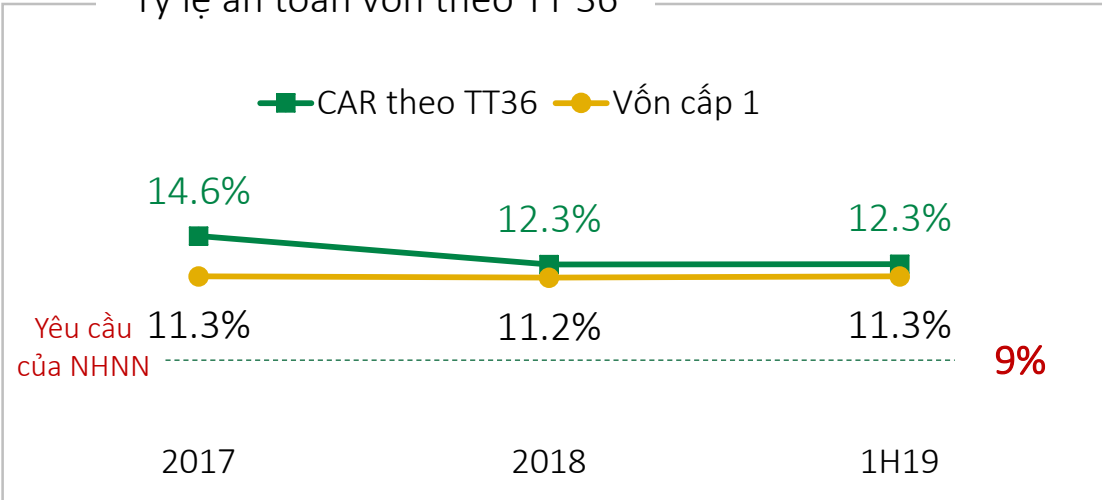
Tỷ lệ an toàn vốn theo thông tư 41(Basel II)



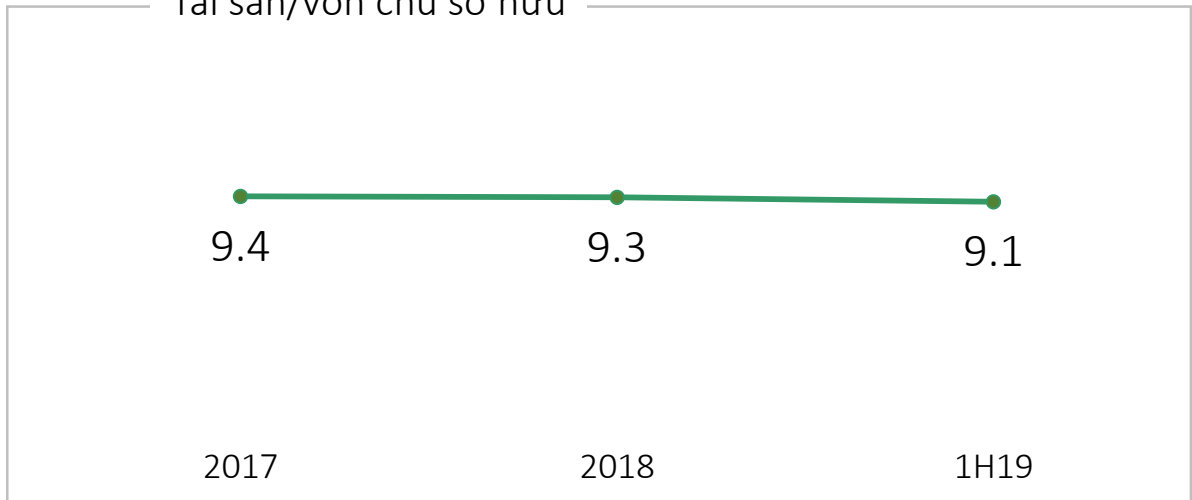
Vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ (Tỷ VND)



Tỷ lệ an toàn vốn theo TT 36



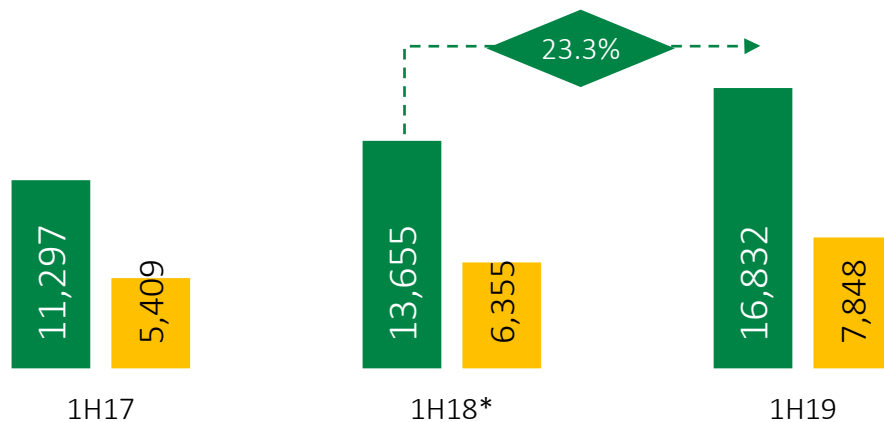
Tài sản/vốn chủ sở hữu



TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG (TOI)

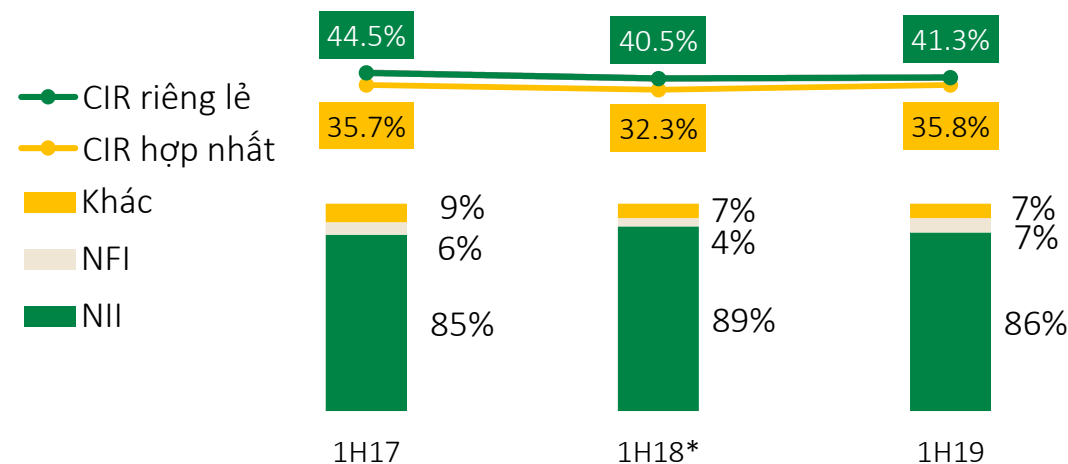
Tăng trưởng TOI (Tỷ VND, %)

■ Hợp nhất ■ Riêng lẻ



* Loại trừ thu nhập bất thường

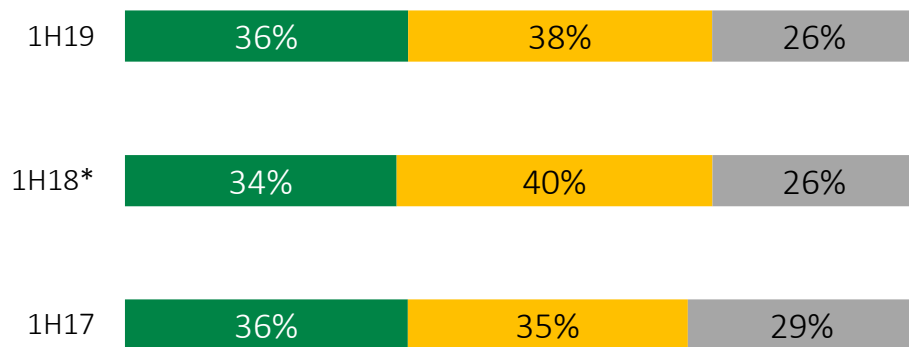
Cấu trúc của TOI và CIR (%)



* Loại trừ thu nhập bất thường

OPEX, Chi phí dự phòng, PBT/ TOI

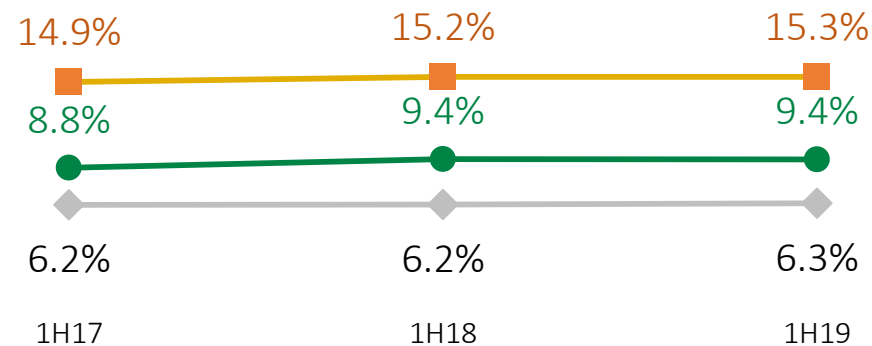
■ OPEX ■ Chi phí dự phòng ■ PBT



* Loại trừ thu nhập bất thường

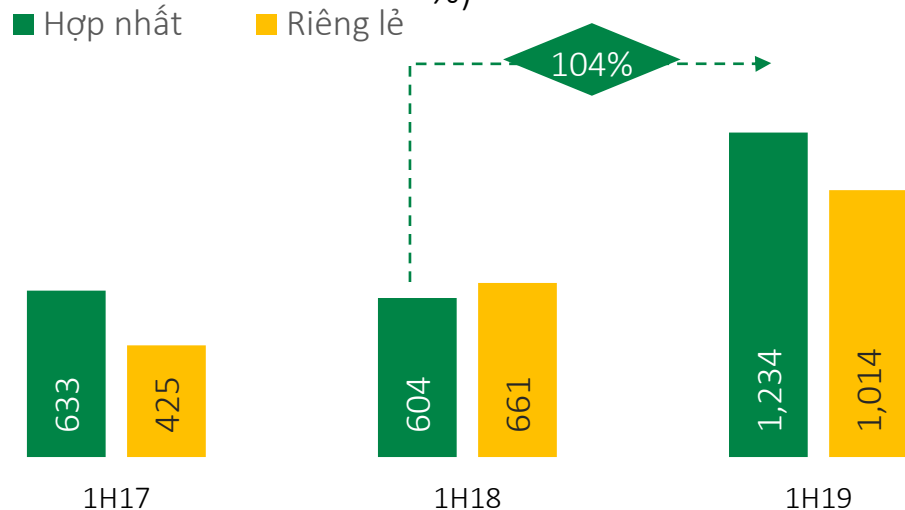
Thu nhập trên tài sản sinh lời, NIM, Chi phí Vốn (%)

■ Thu nhập trên tài sản sinh lời ■ NIM ■ Chi phí vốn

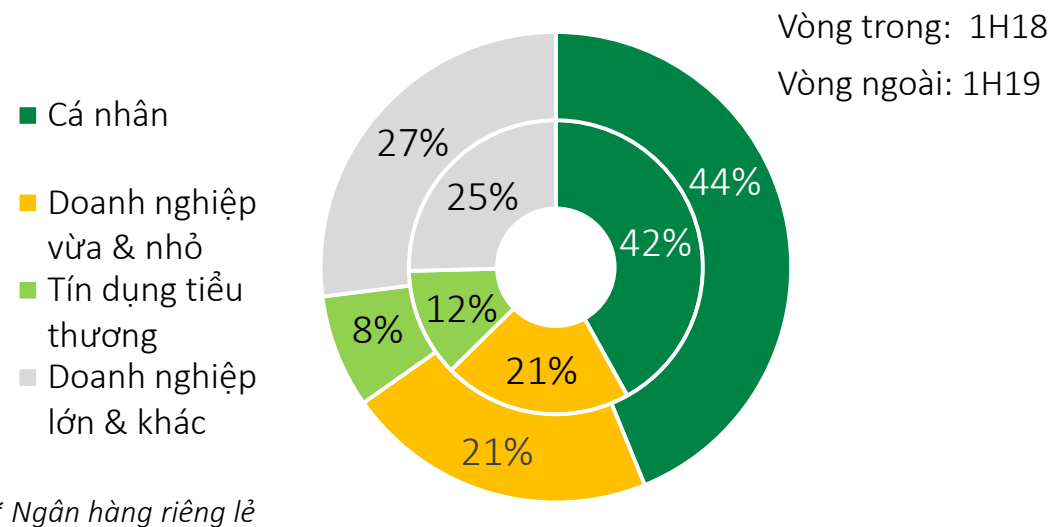


THU NHẬP PHÍ

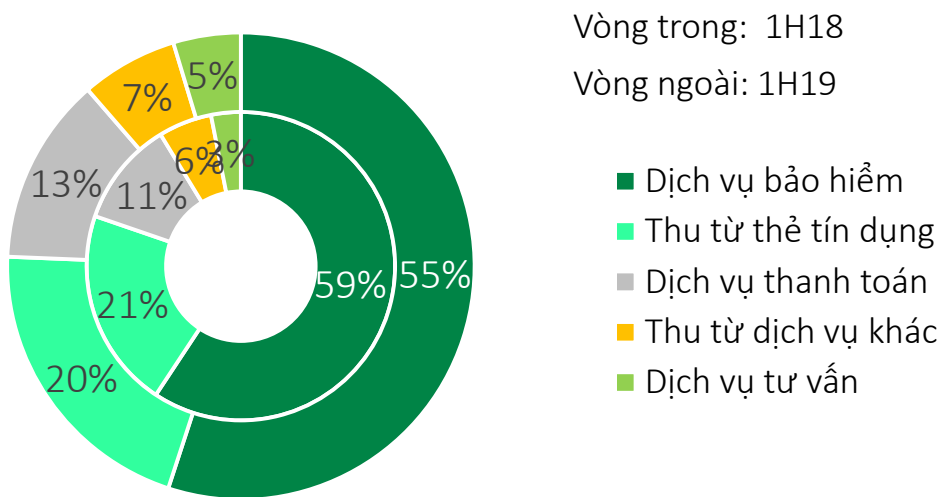
Tăng trưởng thu nhập phí thuần (Tỷ VND, %)



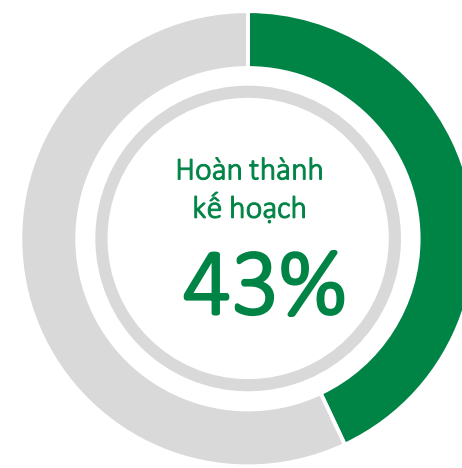
Thu nhập phí thuần theo khối (%)



Cơ cấu thu nhập phí (%)



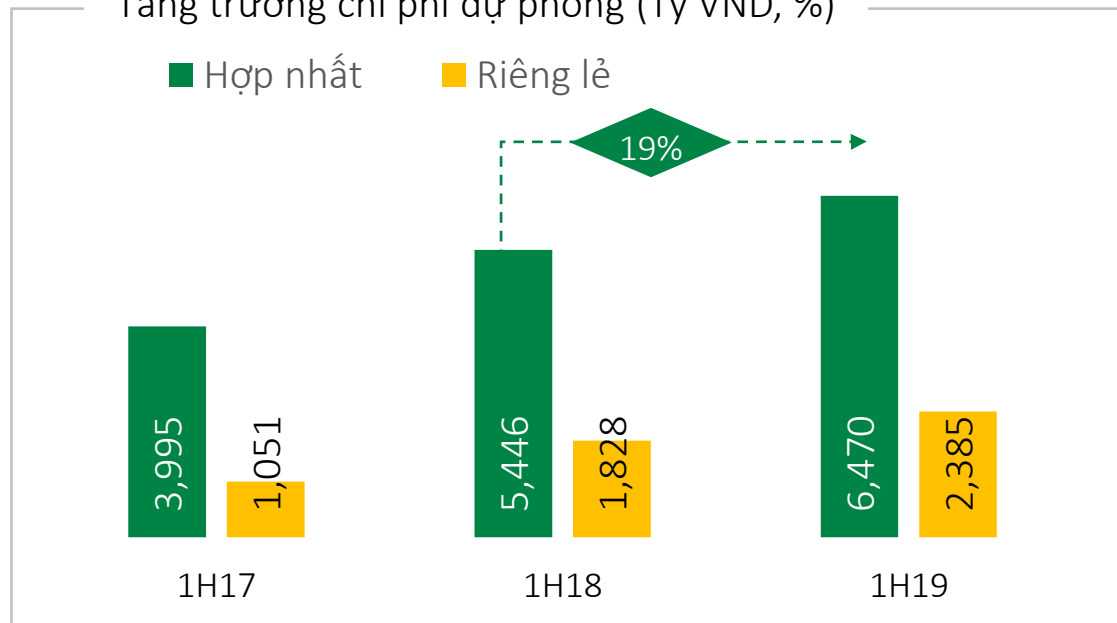
Thu nhập phí từ Banca theo kế hoạch* (%)



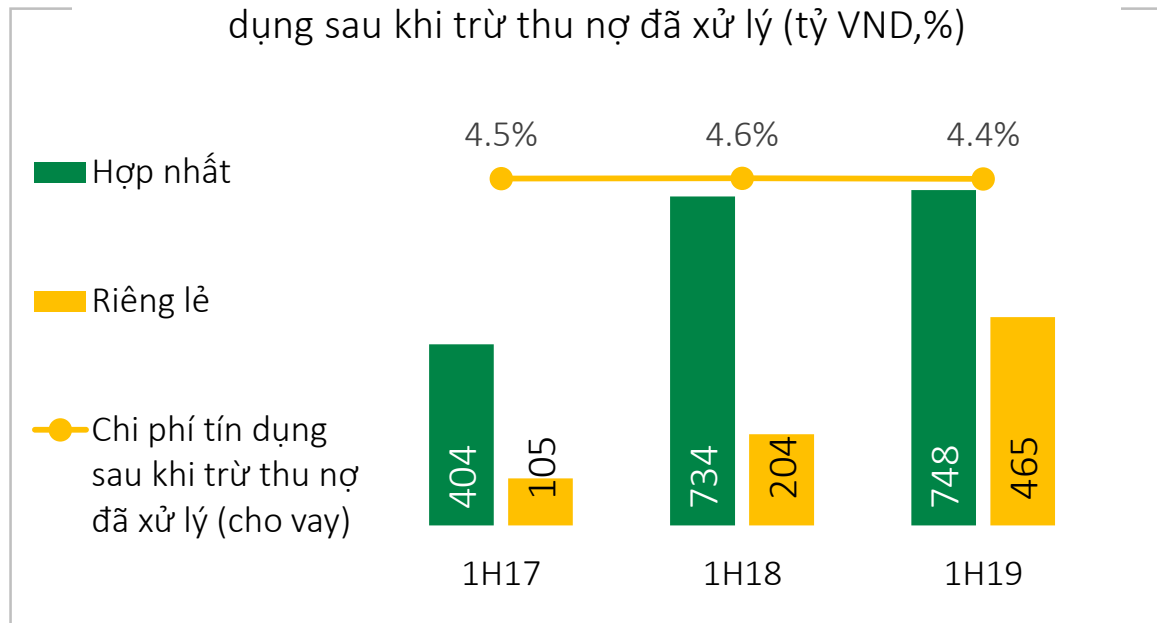
* Khối khách hàng cá nhân

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Tăng trưởng chi phí dự phòng (Tỷ VND, %)



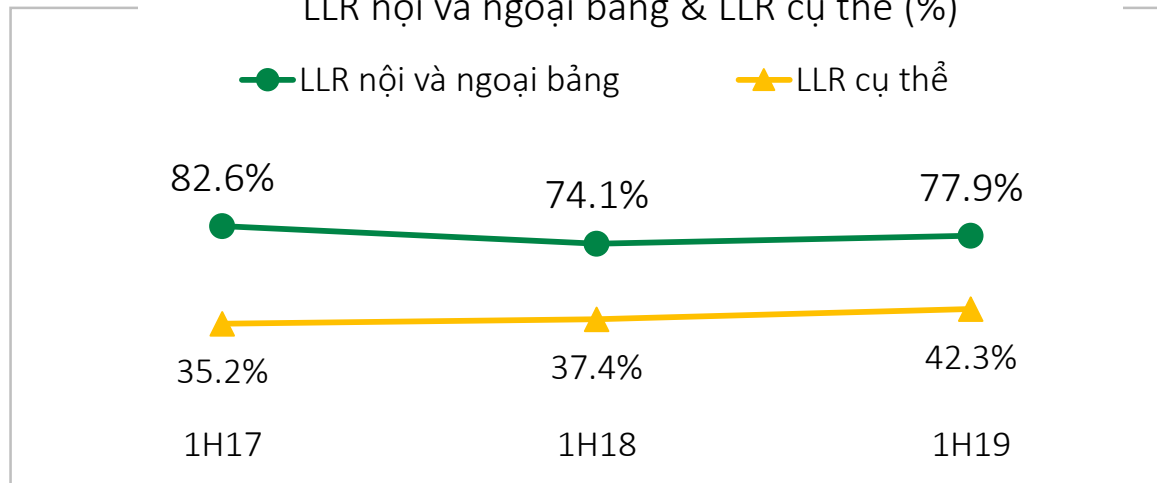
Thu nhập từ các khoản nợ xấu đã xử lý rủi ro & Chi phí tín dụng sau khi trừ thu nợ đã xử lý (tỷ VND, %)



NPL theo thông tư 02 & VAMC (Tỷ VND, %)

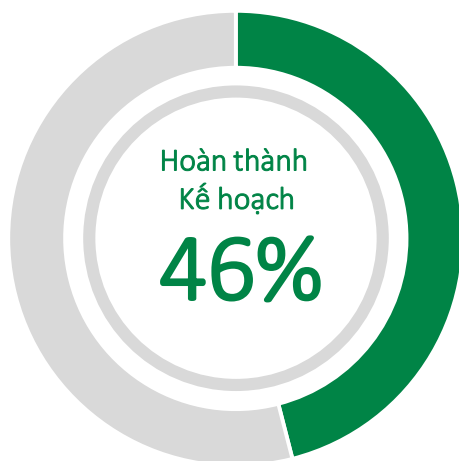
	1H2018	1H2019
NPL theo TT 02 Hợp nhất	3.47%	3.01%
NPL theo TT 02 Riêng lẻ	2.71%	2.38%
Dư nợ VAMC	3,901	1,483

LLR nội và ngoại bảng & LLR cụ thể (%)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (PBT)

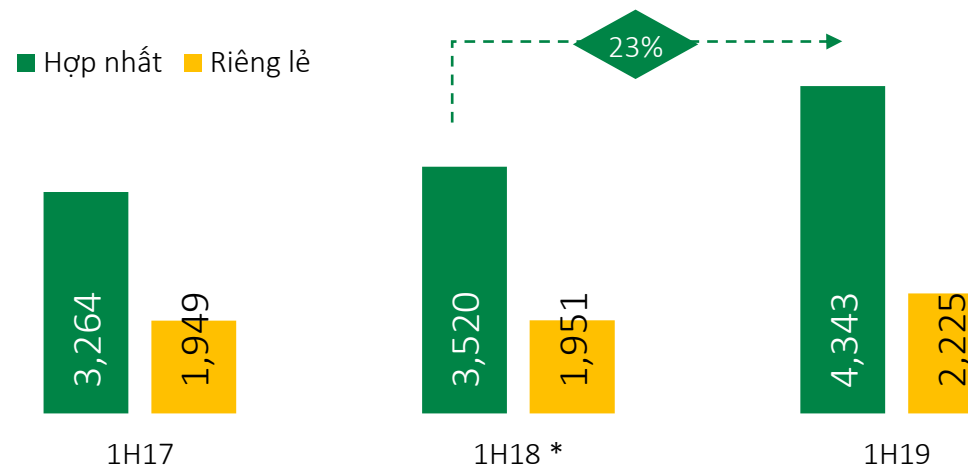
Thực hiện vs. Kế hoạch (Tỷ VND, %)



1H19	4,343
Tăng trưởng vs 1H2018	-0.8%
Tăng trưởng Vs 1H2018*	23.4%

• Loại trừ thu nhập bất thường

Tăng trưởng PBT (Tỷ VND, %)



* Loại trừ thu nhập từ công ty con chuyển về & thu nhập bất thường

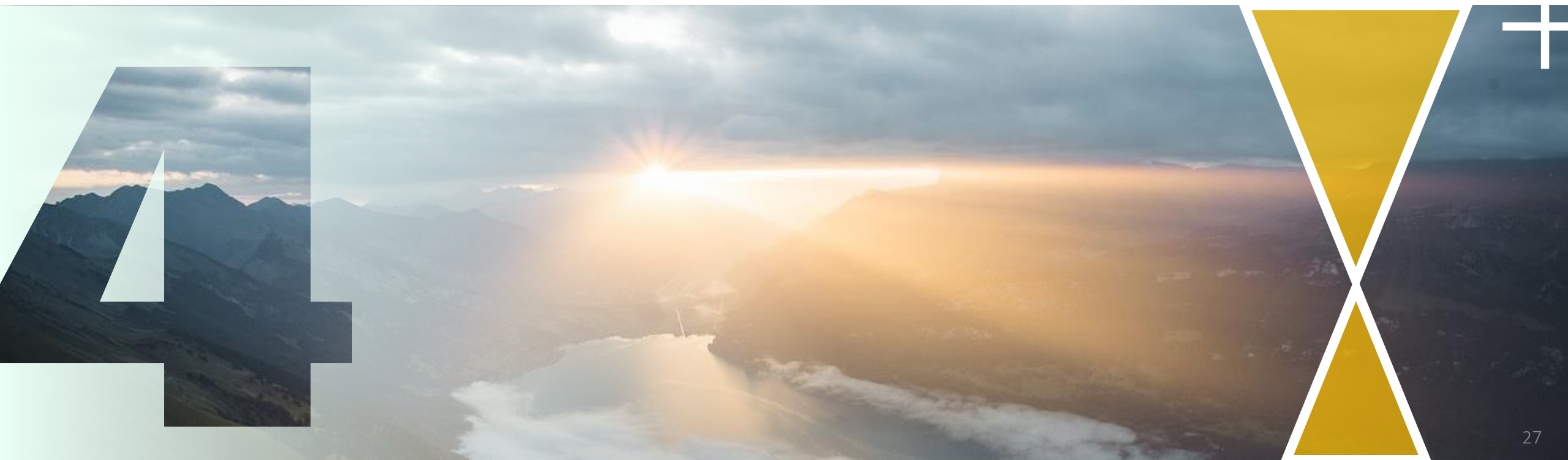
ROE theo năm (%)

	1H2018	1H2019
ROE loại trừ thu nhập bất thường	18.0%	19.0%
ROE	22.3%	19.0%

ROA theo năm (%)

	1H2018	1H2019
ROA loại trừ thu nhập bất thường	2.0%	2.1%
ROA	2.5%	2.1%

TIÊU ĐIỂM ĐẦU TƯ



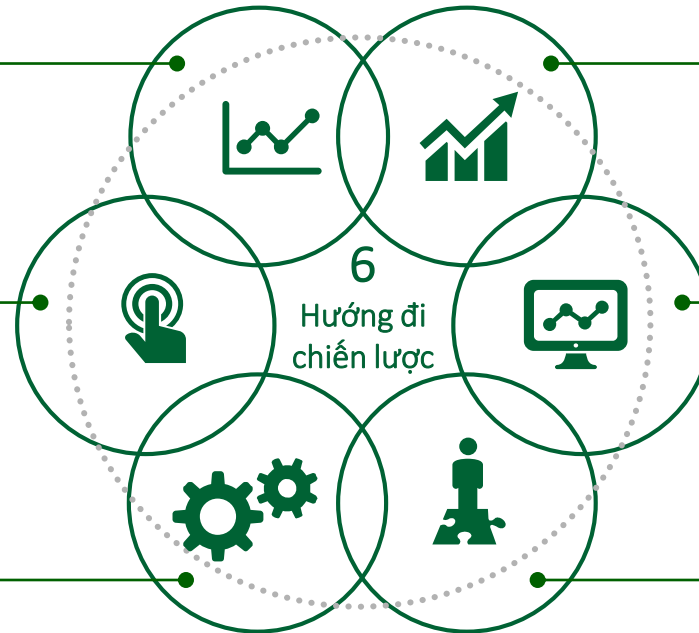
CHIẾN LƯỢC HƯỚNG TỚI KHÁT VỌNG 2022

VPBANK đã đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng hướng đến 2022

Thực hiện thay đổi vượt bậc trong năng suất bán và mạng lưới để thúc đẩy giá trị từ các mảng kinh doanh hiện tại bao gồm KHCN, SME, HHB và doanh nghiệp lớn

Thực hiện tái thiết kế và số hóa từ đầu đến cuối những hành trình dịch vụ ngân hàng cốt lõi để cải thiện trải nghiệm khách hàng một cách bền vững, cắt giảm chi phí với quy trình tinh gọn và hiệu quả

Đạt được kết quả xuất sắc trong quản trị rủi ro và IT để hỗ trợ tăng trưởng ngân hàng đồng thời đảm bảo chất lượng tín dụng thông qua đầu tư vào các công cụ quản trị rủi ro mới,



Triển khai các động cơ tăng trưởng mới (ngân hàng giao dịch, nền tảng di động, hệ sinh thái nhà ở) và mở rộng quan hệ đối tác chiến lược (như banca) để thúc đẩy VPBank tăng trưởng trong tương lai

Xây dựng dữ liệu và năng lực phân tích của thể hệ mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng phi tuyến tính và cải thiện việc ra quyết định

Tăng cường sức khỏe tổ chức để xây dựng một tổ chức định hướng thúc đẩy hiệu quả công việc, thu hút các nhân tài và định hình một văn hóa VPBank khuyến khích sự hợp tác giữa các bộ phận

TẠI SAO LÀ VPBANK?



- 1** Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á với điểm sáng ngành ngân hàng có mức tăng trưởng nhanh và tiềm năng tăng trưởng lớn
- 2** Tập trung mạnh vào tài chính tiêu dùng & ngân hàng bán lẻ, có lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam
- 3** VPBank có khả năng duy trì chi phí vốn ở mức cạnh tranh dựa trên việc tiếp cận các nguồn tài trợ đa dạng và ổn định
- 4** Lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ được thúc đẩy bởi doanh thu cao và chi phí kiểm soát tốt
- 5** Cơ cấu vốn hợp lý và chất lượng tài sản được quản lý một cách thận trọng
- 6** Hiện đại hóa toàn diện chính sách quản trị rủi ro

KẾ HOẠCH 2019

Đơn vị: Tỷ VND

Tổng tài sản

373,649

Tỷ lệ nợ xấu
(Ngân hàng riêng lẻ)

< 3%

Huy động khách hàng
& Giấy tờ có giá

252,435

LNTT

9,500

Dư nợ cấp tín dụng

265,408

	2018	2018 vs. 2017	Kế hoạch 2019 vs. 2018
Tổng tài sản	323,291	16%	16%
Cấp tín dụng cho khách hàng	230,790	17%	15%
Huy động khách hàng & Giấy tờ có giá	219,509	10%	15%
LNTT	9,199	13%	3%
- Nếu loại trừ thu nhập bất thường	8,343		14%

ĐỊNH NGHĨA CÁC CHỈ SỐ

1. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)	Chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động
2. ROE	Lợi nhuận sau thuế / Bình quân tổng vốn chủ sở hữu
3. ROA	Lợi nhuận sau thuế / Bình quân tổng tài sản
4. Tỷ lệ nợ xấu theo Thông Tư 02	Tổng dư nợ tín dụng nhóm 3- 5/ Tổng số dư tín dụng chịu rủi ro theo TT02
5. Chi phí tín dụng	Chi phí dự phòng / Bình quân Cho vay khách hàng
6. LLR nội & ngoại bảng	Tổng quỹ dự phòng cộng với số dự phòng được sử dụng trong kỳ / (Nợ xấu nhóm 3-5 + dự phòng đã sử dụng trong kỳ)
7. LLR dự phòng cụ thể nội & ngoại bảng	Quỹ dự phòng cụ thể cộng với số dự phòng được sử dụng trong kỳ / (Nợ nhóm 2-5 + dự phòng đã sử dụng trong kỳ)
8. Chi phí huy động (COF)	Chi phí lãi / Bình quân Tổng vốn huy động
9. LDR Nội bộ	Cấp tín dụng cho khách hàng / (Tiền gửi khách hàng + Giấy tờ có giá)
10. Thu nhập trên tài sản sinh lời	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự/ Bình quân tài sản sinh lời
11. NIM	Thu nhập lãi thuần/ Bình quân tài sản sinh lời
12. Hiệu suất sử dụng tài sản	TOI / Bình quân tổng tài sản
13. Tài sản/ Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản/ Tổng vốn chủ sở hữu

BẢNG CHÚ GIẢI

AMC	Công ty Quản lý Tài sản
CAR	Chỉ số an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CIR	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động
ENR	Số dư cuối kỳ
LLR	Tỷ lệ trích lập dự Phòng rủi ro/ Nợ xấu
NFI	Thu nhập phí ròng
CD	Chứng chỉ tiền gửi
NIM	Lãi ròng
NPL	Tỷ lệ nợ xấu
PL NTB	Khoản vay cá nhân mới

OPEX	Chi phí hoạt động
ROE	Lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu bình quân
ROA	Lợi nhuận / Tổng tài sản bình quân
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
UPL	Khoản vay tín chấp cá nhân
ATM	Máy rút tiền tự động
CDM	Máy nộp tiền tự động
POS	Điểm bán hàng
POC	Điểm thu tiền mặt

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu này là thông tin cơ bản về các hoạt động của VPBank và được đưa ra dưới dạng tóm tắt. Tài liệu không nhằm mục đích đưa ra tư vấn cho các nhà đầu tư, và không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Những thông tin này cần được xem xét khi quyết định đầu tư.

Để thêm thông tin tham khảo, truy cập: www.vpbank.com.vn hoặc liên hệ

IR team

SĐT: +8424 3928 8869 (ext. 54111)

Fax: +8424 928 8867

Email: ir@vpbank.com.vn